



Công ty CP may Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

## **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Thời gian tổ chức: 8h30 ngày 20 tháng 04 năm 2025

Địa điểm: Nhà hàng Windsor Plaza Lầu 7.

18 An Dương Vương Quận 5, TpHCM



**Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Tp Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 04 năm 2025.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

- Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần may Hữu Nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty may Hữu Nghị kính trình Đại hội nội dung qui chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau :

**Điều 1. Mục tiêu**

1. Hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra và đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông.
2. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng dân chủ, đoàn kết.
3. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

**Điều 2. Trật tự của Đại hội**

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
2. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp. Không hút thuốc lá, không nói chuyện ồn ào, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường (nếu có nhu cầu xin mời Quý cổ đông trao đổi bên ngoài Hội trường), giao tiếp hòa nhã, thân thiện.
3. Tất cả Quý cổ đông trước tham dự Hội nghị phải đeo khẩu trang rửa tay với dung dịch sát khuẩn và kiểm tra thân nhiệt trước khi vào hội nghị.
4. Trong thời gian tham dự Hội Nghị đề nghị Quý Cổ Đông hạn chế tiếp xúc gần với nhau, hạn chế đi lại và ngồi đúng vị trí.

**Điều 3. Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội.**

1. Nguyên tắc: theo yêu cầu của chủ tọa Đại hội cần lấy biểu quyết các vấn đề, Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra. Thẻ biểu quyết có in tên, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.
2. Cách biểu quyết: với nội dung được yêu cầu biểu quyết, cổ đông thống nhất ý kiến hoặc không thống nhất ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết, cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem như đồng ý nội dung cần biểu quyết.

**Điều 4. Thảo luận nội dung họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi tiến hành xong các báo cáo được trình tại Đại hội, Chủ tọa Đại hội tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

1. Cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp phát biểu đóng góp ý kiến với Đại hội.



2. Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm, các câu hỏi liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội, mang tính chất đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.
3. Các câu hỏi thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của công ty.
4. Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn tới cổ đông.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của chủ tọa Đại hội**

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung của chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.**

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông do ban Tổ chức Đại hội phân công, làm nhiệm vụ kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
2. Ban thư ký gồm 02 người do chủ tọa Đại hội giới thiệu, chịu trách nhiệm trước chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; ghi chép biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
3. Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa Đoàn giới thiệu và được Đại hội thông qua, nhiệm vụ kiểm tra và ghi nhận kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử tại Đại hội.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần may Hữu Nghị.

Kính trình Đại hội thông qua .

**QUY CHẾ LÀM VIỆC NÀY CÓ HIỆU LỰC THỰC HIỆN NGAY SAU KHI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.**

**BAN TỔ CHỨC**



**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Thời gian: Từ 8h30 đến 11h30 ngày 20 tháng 04 năm 2025

Địa điểm: Tại Windsor Plaza Hồ Chí Minh Lầu 7.

Thành phần: Các cổ đông được mời theo danh sách chốt ngày 24 tháng 03 năm 2025.

Thời gian	Nội dung	Thời lượng
8h00 – 8h30	Đón tiếp và thẩm tra tư cách đại biểu.	30 phút
8h30 – 8h45	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội.	15 phút
8h45 – 9h00	Khai mạc Đại hội - Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội. - Giới thiệu đại biểu. - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội (Biểu quyết). - Bầu đoàn chủ tịch (Biểu quyết)	15 phút
9h00 – 9h10	- Đoàn chủ tịch thông qua Ban thư ký. - Đoàn chủ tịch thông qua chương trình của Đại hội.	10 phút
9h10 – 10h10	- Thông qua báo cáo của Chủ tịch về kết quả thực hiện SXKD năm 2024 và KH SXKD năm 2025. - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024. - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và KH năm 2025.	60 phút
10h10 – 10h30	Thông qua các tờ trình: - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. - Chi phí thù lao, hoạt động của hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2024. - Thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch cho HĐQT năm 2024. - Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.	20 phút
10h30 – 10h45	Ban kiểm soát thông qua kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025.	15 phút
10h45 – 10h50	Thông qua việc chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc năm 2025.	5 phút



Thời gian	Nội dung	Thời lượng
10h50 – 11h10	Thông qua biên bản Đại hội.	20 phút
11h30	Tuyên bố bế mạc.	

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HA VAN DUYỆT



## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Stt	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	CP sở hữu	CP ủy quyền	TC số CP	Tỷ lệ % VĐL
1	Hà Văn Duyệt	CTHĐQT	2,618,174	520,734	3,138,908	13.20%
2	Hà Văn Nghĩa	UVHĐQT	1,293,468	927,262	2,220,730	9.34%
3	Hà Văn Long	UVHĐQT	1,217,772	25,702	1,243,474	5.23%
4	Dương Thanh Tùng	TB Kiểm soát	1,000,938	11,982	1,012,920	4.26%
5	Nguyễn Thị Hằng Nga	UVBKS	595,604	52,618	648,222	2.73%
6	Kiều Ngọc Mạnh Hùng	Cổ đông	1,352,854		1,352,854	5.69%
7	Phạm Đức Hà	Cổ đông	204,324		204,324	0.86%
8	Hà Hải Ninh	Cổ đông	632,348		632,348	2.66%
9	Vũ Thị Ngát	Cổ đông	252,816		252,816	1.06%
10	Lâm Văn Hiền	Cổ đông	13,504		13,504	0.06%
11	Viên Đức Thành	Cổ đông	1,762		1,762	0.01%
12	Hà Thị Liên	Cổ đông	100			0.00%
13	Hà Văn Toại	Cổ đông	9,210		9,210	0.04%
14	Nguyễn Duy Tuấn	Cổ đông	16,192			0.00%
15	Hoàng Quang Huy	Cổ đông	11,042		11,042	0.05%
16	Nguyễn Hải Trường	Cổ đông	600		600	0.00%
17	Hà Văn Ánh	Cổ đông	6,200			0.00%
18	Bùi Quang Hoàn	Cổ đông	3,676		3,676	0.02%
19	Trịnh Minh Tuấn	Cổ đông	8,494			0.00%
20	Huỳnh Minh Tùng	Cổ đông	10,742			0.00%
21	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Cổ đông	2,158			0.00%
22	Phạm Thị Tươi	Cổ đông	20,084		20,084	0.08%
23	Hà Thị Huyền	Cổ đông	24,372			0.00%
24	Ngũ Huệ Mỹ	Cổ đông	3,100			0.00%
25	Trần Thị Tân	Cổ đông	52,618			0.00%
26	Hồ Sỹ Đức	Cổ đông	43,058		43,058	0.18%
27	Đỗ Văn Thuận	Cổ đông	91,250		91,250	0.38%
28	Lê Huy Hoàng	Cổ đông	132,174		132,174	0.56%
29	Lê Thị Hương	Cổ đông	60,822		60,822	0.26%
30	Hồ Thị Trinh	Cổ đông	100			0.00%
31	Biện Thị Kim Anh	Cổ đông	9,600		9,600	0.04%
32	Thái Thị Thu Thành	Cổ đông	7,358		7,358	0.03%
33	Nguyễn Ngọc Bích	Cổ đông	20,790		20,790	0.09%
34	Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông	15,934			0.00%
35	Trần Thị Xuân Hiền	Cổ đông	10,962			0.00%
36	Trương Hồng Phúc	Cổ đông	9,824			0.00%
37	Huỳnh Thị Kim Nga	Cổ đông	7,358			0.00%
38	Bùi Phước Lợi	Cổ đông	85,522		85,522	0.36%
39	Đỗ Thiện Hoàng	Cổ đông	10,544			0.00%
40	Đỗ Thị Kim Thanh	Cổ đông	982		982	0.00%
41	Trần Văn Khánh	Cổ đông	8,052			0.00%



## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Stt	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	CP sở hữu	CP ủy quyền	TC số CP	Tỷ lệ % VĐL
42	Cái Thị Ngọc Tâm	Cổ đông	8,494		8,494	0.04%
43	Võ Văn Hờ	Cổ đông	573,332		573,332	2.41%
44	Nguyễn Đình Minh	Cổ đông	201,404		201,404	0.85%
45	Nguyễn Thùy Dương	Cổ đông	120,800			0.00%
46	Quách Đình Dương	Cổ đông	229,624			0.00%
47	Hoàng Thị Lệ	Cổ đông	735,470			0.00%
48	Mai Văn Thiên	Cổ đông	34,800			0.00%
49	Trần Nguyên Khang	Cổ đông	106,000			0.00%
50	Bùi Thị Xuân Lan	Cổ đông	245,912			0.00%
51	Phạm Trọng Huy	Cổ đông	12			0.00%
52	Phạm Thị Xuân Hiền	Cổ đông	24,546			0.00%
53	Phạm Thị Ngọc Minh	Cổ đông	24,546			0.00%
54	Phạm Chí Hiếu	Cổ đông	122,898			0.00%
55	Phạm Thị Như Hường	Cổ đông	3,336			0.00%
56	Phạm Văn Diễm	Cổ đông	177,914		177,914	0.75%
57	Phùng Thị Huệ Thu	Cổ đông	20,410			0.00%
58	Phan Hữu Phước	Cổ đông	61,466			0.00%
59	Phan Mỹ Nga	Cổ đông	61,466			0.00%
60	Phan Thông	Cổ đông	24,546			0.00%
61	Phan Thanh Sơn	Cổ đông	96,754			0.00%
62	Phan Thanh Liên	Cổ đông	61,466			0.00%
63	Uông Tiến Thịnh	Cổ đông	147,750			0.00%
64	Mai Hoàng Ân	Cổ đông	122,898			0.00%
65	Nhâm Thị Mai Phương	Cổ đông	24,546			0.00%
66	Nguyễn Thanh Thủy	Cổ đông	122,898			0.00%
67	Nguyễn Văn Hùng	Cổ đông	7,358			0.00%
68	Nguyễn Văn Thắng	Cổ đông	10			0.00%
69	Nguyễn Minh Giang	Cổ đông	39,344			0.00%
70	Nguyễn Thị Bích Huyền	Cổ đông	38,016			0.00%
71	Nguyễn Thị Lệ Hồng	Cổ đông	84,424			0.00%
72	Nguyễn Thị Mỹ	Cổ đông	10,544			0.00%
73	Nguyễn Thị Muối	Cổ đông	27,506		27,506	0.12%
74	Nguyễn Thị Cười	Cổ đông	26,938			0.00%
75	Nguyễn Thị Liên	Cổ đông	6,106			0.00%
76	Nguyễn Thế Kỷ	Cổ đông	34,564			0.00%
77	Nguyễn Ngọc Nga	Cổ đông	70,802			0.00%
78	Nguyễn Thị Kim Loan	Cổ đông	21,384			0.00%
79	Nguyễn Thị Minh Vân	Cổ đông	26,446			0.00%
80	Nguyễn Thị Nữ	Cổ đông	1,930			0.00%
81	Nguyễn Thị Thúy Hà	Cổ đông	9,824			0.00%
82	Ngô Thanh Bình	Cổ đông	7,358			0.00%



## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Stt	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	CP sở hữu	CP ủy quyền	TC số CP	Tỷ lệ % VĐL
83	Ngô Thị Bích Hồng	Cổ đông	7,472			0.00%
84	Trần Thị Anh Trà	Cổ đông	49,212			0.00%
85	Trần Văn Chiến	Cổ đông	27,442			0.00%
86	Trần Thị Hiền	Cổ đông	1,210			0.00%
87	Trần Thị Hoàng Yến	Cổ đông	1,210			0.00%
88	Trần Thị Lợi	Cổ đông	5,270		5,270	0.02%
89	Trần Văn Tuấn	Cổ đông	10,544			0.00%
90	Trần Văn Châu	Cổ đông	10,962		10,962	0.05%
91	Trần Văn Ngọc	Cổ đông	9,824			0.00%
92	Trương Thị Bích Chung	Cổ đông	9,064		9,064	0.04%
93	Lê Thị Ánh	Cổ đông	89,734			0.00%
94	Lê Thị Bích Thảo	Cổ đông	10,544			0.00%
95	Lê Hữu Long Thái	Cổ đông	48			0.00%
96	Kỷ Thị Cẩm Hồng	Cổ đông	12,250			0.00%
97	Vũ Thị Huệ	Cổ đông	23,294			0.00%
98	Vũ Văn Duyệt	Cổ đông	24,546			0.00%
99	Dương Thị Thúy Hằng	Cổ đông	452			0.00%
100	Dương Thị Kim Loan	Cổ đông	9,824		9,824	0.04%
101	Dương Thị Ngọc Mai	Cổ đông	18,626		18,626	0.08%
102	Đỗ Thị Thanh Hà	Cổ đông	33,198		33,198	0.14%
103	Đoàn Hoài Thương	Cổ đông	6,106			0.00%
104	Hoàng Trí Dũng	Cổ đông	10,544			0.00%
105	Huỳnh Thị Kim Phượng	Cổ đông	486			0.00%
106	Hà Thị Nguyệt	Cổ đông	4,816			0.00%
107	Nguyễn Văn Hào	Cổ đông	6,144			0.00%
108	Trần Mạnh Hà	Cổ đông	40,000			0.00%
109	Trần Thị Hồng	Cổ đông	26			0.00%
110	Trần Thị Kim Thanh	Cổ đông	33,044			0.00%
111	Trần Thị Lan Anh	Cổ đông	17,782			0.00%
112	Trần Thị Mỹ Phương	Cổ đông	13,770			0.00%
113	Trần Tử Vinh	Cổ đông	25,724			0.00%
114	Trần Thị Thìn	Cổ đông	16,692			0.00%
115	Tạ Anh Hằng	Cổ đông	2,766			0.00%
116	Trương Thị Sâm	Cổ đông	4,134			0.00%
117	Nguyễn Văn Mạnh	Cổ đông	24,546			0.00%
118	Nguyễn Chính Trắng	Cổ đông	122,898			0.00%
119	Nguyễn Khắc Biểu	Cổ đông	54,612			0.00%
120	Nguyễn Phương Lan	Cổ đông	59,638			0.00%
121	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Cổ đông	66			0.00%
122	Nguyễn Thị Lan	Cổ đông	61,466			0.00%
123	Nguyễn Đình Dũng	Cổ đông	154,922		154,922	0.65%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Stt	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	CP sở hữu	CP ủy quyền	TC số CP	Tỷ lệ % VĐL
124	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Cổ đông	6			0.00%
125	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Cổ đông	37,040			0.00%
126	Nguyễn Văn Tịnh	Cổ đông	417,648		417,648	1.76%
127	Nguyễn Văn Soạn	Cổ đông	50,082		50,082	0.21%
128	Nguyễn Thị Tươi	Cổ đông	21,930		21,930	0.09%
129	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cổ đông	17,982		17,982	0.08%
130	Nguyễn Thị thanh Nhân	Cổ đông	5,270			0.00%
131	Nguyễn Thị Huỳnh	Cổ đông	72,242		72,242	0.30%
132	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Cổ đông	138,148		138,148	0.58%
133	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	Cổ đông	16,958			0.00%
134	Nguyễn Thị Thùy Linh	Cổ đông	8,494		8,494	0.04%
135	Ngô Văn Long	Cổ đông	6,106		6,106	0.03%
136	Ngô Thị Hồng	Cổ đông	18,960		18,960	0.08%
137	Lê Bích Hòa	Cổ đông	4,000			0.00%
138	Lê Thị Nga	Cổ đông	200			0.00%
139	Lê Tất Thắng	Cổ đông	184			0.00%
140	Lê Thị Liễu	Cổ đông	17,982		17,982	0.08%
141	Lê Ngọc Ánh	Cổ đông	10,544			0.00%
142	Lê Kim Ngọc	Cổ đông	21,778			0.00%
143	Lê Mai Trang	Cổ đông	8,494			0.00%
144	Lê Thị Tuyết	Cổ đông	7,936			0.00%
145	Lê Phương Thảo	Cổ đông	20			0.00%
146	Mạc Thị Nga	Cổ đông	31,148		31,148	0.13%
147	Phạm Minh Thương	Cổ đông	40,152			0.00%
148	Phạm Thị Hường	Cổ đông	2,258			0.00%
149	Vũ Thị Vui	Cổ đông	9,824			0.00%
150	Huỳnh Kim Tùng	Cổ đông	9,824			0.00%
151	Hùng Phi Oanh	Cổ đông	147,486			0.00%
152	Hồ Thị Bích Ngân	Cổ đông	66,398			0.00%
153	Hoàng Thị Thu Vân	Cổ đông	61,466			0.00%
154	Dương Thị Minh	Cổ đông	31,198			0.00%
155	Dương Thị Ngọc	Cổ đông	18,702			0.00%
156	Bùi Thị Tuyết	Cổ đông	26,708		26,708	0.11%
157	Bùi Thị Long	Cổ đông	17,982		17,982	0.08%
158	Đặng Vũ Chư	Cổ đông	122,898			0.00%
159	Đoàn Quốc Tuấn	Cổ đông	11,990			0.00%
160	Đào Thị Hương Giang	Cổ đông	1,312			0.00%
161	Đoàn Thị Bân	Cổ đông	21,130			0.00%
162	Đặng Thị Đào	Cổ đông	8,494		8,494	0.04%
163	Đặng Thị Thu Trúc	Cổ đông	6,406			0.00%
164	Đỗ Thị Kim Cúc	Cổ đông	48,374		48,374	0.20%

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Stt	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	CP sở hữu	CP ủy quyền	TC số CP	Tỷ lệ % VĐL
165	Bùi Minh Hải	Cổ đông	4,000			0.00%
166	Bùi Tiến Duy	Cổ đông	7			0.00%
167	Bạch Tấn Cường	Cổ đông	1,000			0.00%
168	Cao Văn Mạnh	Cổ đông	2			0.00%
169	Cà Thị Mạnh	Cổ đông	19			0.00%
170	Hà Lâm Vinh Hiền	Cổ đông	1			0.00%
171	Dennis Ngô Ted	Cổ đông	3,600			0.00%
172	Dư Mạnh Hà	Cổ đông	8,000			0.00%
173	Dương Công Nghĩa	Cổ đông	8,900			0.00%
174	Dương Muôi Muôi	Cổ đông	16			0.00%
175	Dương Thị Ngọc Thương	Cổ đông	11,100			0.00%
176	Hoàng Phạm Mạnh Tùng	Cổ đông	2			0.00%
177	Hoàng Thị Thanh Trúc	Cổ đông	1,000			0.00%
178	Hoàng Sơn Anh	Cổ đông	2,100			0.00%
179	Hoàng Thị Hương Hà	Cổ đông	2			0.00%
180	Hoàng Trọng Tuấn	Cổ đông	200			0.00%
181	Huỳnh Phú Quốc	Cổ đông	2,000		2,000	0.01%
182	Huỳnh Văn Bảo	Cổ đông	2,800			0.00%
183	Hứa Ngọc Sơn	Cổ đông	2			0.00%
184	Lâm Ngọc Quân	Cổ đông	200			0.00%
185	Lê Văn Sang	Cổ đông	20,000			0.00%
186	Lê Thị Nhi	Cổ đông	12			0.00%
187	Lê Thị Nhân	Cổ đông	2			0.00%
188	Lê Đức Tài	Cổ đông	5,500			0.00%
189	Lê Văn Nhân	Cổ đông	2			0.00%
190	Lương Thị Thu Thủy	Cổ đông	8,466			0.00%
191	Lý Văn Vũ	Cổ đông	1,000			0.00%
192	Ngô Hoàng Nguyệt	Cổ đông	2			0.00%
193	Ngô Hoàng Thanh Hiền	Cổ đông	2			0.00%
194	Ngô Hoàng Thị Thủy Mỹ	Cổ đông	3			0.00%
195	Nguyễn Anh Tuấn	Cổ đông	10			0.00%
196	Nguyễn Bảo Quang	Cổ đông	20,000			0.00%
197	Nguyễn Kiêm Anh	Cổ đông	700			0.00%
198	Nguyễn Quang Huy	Cổ đông	1			0.00%
199	Nguyễn Tất Tình	Cổ đông	1			0.00%
200	Nguyễn Văn Hải	Cổ đông	1,500			0.00%
201	Nguyễn Văn Thanh Trọng	Cổ đông	1			0.00%
202	Nguyễn Đình Nhân	Cổ đông	46			0.00%
203	Nguyễn Diễm Kiều Giang	Cổ đông	2			0.00%
204	Nguyễn Hải Dương	Cổ đông	2			0.00%
205	Nguyễn Kính Hiền	Cổ đông	4			0.00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Stt	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	CP sở hữu	CP ủy quyền	TC số CP	Tỷ lệ % VĐL
206	Nguyễn Minh Danh	Cổ đông	73			0.00%
207	Nguyễn Ngọc Thùy Vân	Cổ đông	2			0.00%
208	Nguyễn Sinh Dũng Thắng	Cổ đông	1			0.00%
209	Nguyễn Siêu Mẫn	Cổ đông	1			0.00%
210	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Cổ đông	200			0.00%
211	Nguyễn Thị Kiều	Cổ đông	1,000			0.00%
212	Nguyễn Thị Minh Hiền	Cổ đông	4			0.00%
213	Nguyễn Thị Minh Tâm	Cổ đông	1,600			0.00%
214	Nguyễn Thị Minh Đức	Cổ đông	4			0.00%
215	Nguyễn Thị Phương Dung	Cổ đông	2			0.00%
216	Nguyễn Tú Chi	Cổ đông	10,000			0.00%
217	Nguyễn Tường Linh	Cổ đông	2			0.00%
218	Nguyễn Tất Quyền	Cổ đông	2			0.00%
219	Nguyễn Văn Chính	Cổ đông	4			0.00%
220	Nguyễn Văn Phụng	Cổ đông	2			0.00%
221	Nguyễn Quốc Tuấn	Cổ đông	2,000			0.00%
222	Nguyễn Xuân Trường	Cổ đông	1			0.00%
223	Ngô Thị Phương Nguyên	Cổ đông	2			0.00%
224	Ngô Tuấn Quang	Cổ đông	100			0.00%
225	Phan Văn Sáu	Cổ đông	2			0.00%
226	Phùng Thị Phú	Cổ đông	4			0.00%
227	Phạm Văn Việt	Cổ đông	8			0.00%
228	Phạm Xuân Trinh	Cổ đông	151,000			0.00%
229	Phạm Văn Toan	Cổ đông	300			0.00%
230	Phạm Đức Duy	Cổ đông	1,000			0.00%
231	Phạm Minh Trang	Cổ đông	99,800			0.00%
232	Phạm Quốc Đại	Cổ đông	15,000			0.00%
233	Phạm Thị Thê Hằng	Cổ đông	900			0.00%
234	Phạm Thị Hồng Xuân	Cổ đông	2			0.00%
235	Phạm Thị Kim Yến	Cổ đông	2			0.00%
236	Phạm Thị Thu Hà	Cổ đông	7,600			0.00%
237	Phạm Văn Nam	Cổ đông	100			0.00%
238	Quách Thị Bé Tư	Cổ đông	4			0.00%
239	Tô Tấn Thọ	Cổ đông	1			0.00%
240	Tạ Văn Chung	Cổ đông	1,100			0.00%
241	Trần Thị Thùy	Cổ đông	3,000			0.00%
242	Trần Thị Thảo	Cổ đông	100			0.00%
243	Trần Thị Bích Thủy	Cổ đông	1,300			0.00%
244	Trần Thị Hiền-1	Cổ đông	1			0.00%
245	Trần Công Thành	Cổ đông	200			0.00%
246	Trần Minh Vương	Cổ đông	1			0.00%



## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Stt	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	CP sở hữu	CP ủy quyền	TC số CP	Tỷ lệ % VĐL
247	Trần Thị Thu Hằng	Cổ đông	25,300			0.00%
248	Trương Duy Hồng Yên	Cổ đông	40			0.00%
249	Trần Ngô Hữu Tài	Cổ đông	2			0.00%
250	Trương Thị Bích Huyền	Cổ đông	2			0.00%
251	Trương Văn Hải	Cổ đông	1			0.00%
252	Từ Vĩ Huê	Cổ đông	716			0.00%
253	Tạ Hữu Doanh	Cổ đông	1,600			0.00%
254	Võ Đức Thảo	Cổ đông	1,614			0.00%
255	Võ Ngọc Nhân	Cổ đông	2			0.00%
256	Võ Ngọc Dũng	Cổ đông	100			0.00%
257	Vũ Hoàng Thanh	Cổ đông	600			0.00%
258	Vũ Thục Linh	Cổ đông	1,000			0.00%
259	Vũ Văn Đăng	Cổ đông	1			0.00%
260	Vũ Thế Bảo	Cổ đông	100			0.00%
261	Đinh Đức Thắng	Cổ đông	600			0.00%
262	Đặng Thái Hùng	Cổ đông	8			0.00%
263	Đoàn Thị San	Cổ đông	2			0.00%
264	Đoàn Trọng Phước	Cổ đông	2			0.00%
265	Đồng Văn Lập	Cổ đông	2,000			0.00%
266	Đỗ Thu Trang	Cổ đông	200			0.00%
267	Đặng Thị Nhân	Cổ đông	500			0.00%
268	Dennis Peter Eric	Cổ đông	173,200			0.00%
269	Li Minghua	Cổ đông	4,000			0.00%
270	Krungthai Xspring Securities	Cổ đông	1,200			0.00%
271	Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	Cổ đông	6,953,392		6,953,392	29.24%
272	CỔ PHIẾU QUỸ	Cổ đông	1,100			0.00%
	Tổng		23,778,900	1,538,298	20,306,218	85.40%

Ngày 16 tháng 04 năm 2025



HÀ VĂN DUYỆT



**Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Tp Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 03 năm 2025.

Kính thưa:

- Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.
- Quý vị cổ đông.

## **BÁO CÁO TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2024 KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025**

Nội dung gồm:

- Thực hiện SXKD năm 2024.
- Kế hoạch SXKD năm 2025
- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT và ban kiểm soát.
- Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2024.

### **Phần 1: Đánh giá chung**

- Nhìn chung năm 2024 là năm tiếp theo của năm 2023. Tình hình kinh tế chính trị toàn cầu diễn ra hết sức phức tạp, các cuộc xung đột giữa các nước có xu hướng tăng cao, lan rộng được đánh giá khó chấm dứt trong thời gian ngắn. Từ đó ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu, lạm phát, thất nghiệp tăng cao.
- Tuy vậy nền kinh tế Việt Nam vẫn phát triển mức GDP 7 % so với năm 2023.
- Năm 2024, xuất khẩu ngành dệt may đạt khoảng 44 tỷ USD tăng 11,2% so với năm 2023.
- Đối với công ty có nguồn hàng cung cấp từ khách hàng truyền thống đã giải quyết phần lớn hàng hóa cho các xí nghiệp sản xuất trong khi các nhà máy khác thiếu hàng.
- Cơ cấu quản lý công ty vẫn ổn định duy trì 06 phòng ban, 03 xí nghiệp sản xuất. Riêng XN123 đang được sắp xếp lại chuyển sang sản xuất ngành nghề khác.
- Tổng lao động toàn công ty trong năm bình quân là 2.521 người.

### **Phần 2: Thực hiện các chỉ tiêu năm 2024**

- Năm 2024 đánh giá một năm có nhiều thuận lợi song vẫn có nhiều khó khăn như lao động không ổn định, nghỉ việc nhiều, tuyển công nhân mới không có. Các nhà cung

cấp không đáp ứng được chất lượng nguyên phụ liệu, không đồng bộ, thời gian giao hàng trễ, chi phí vận chuyển cao từ đó làm giá thành thiếu cạnh tranh.

Tuy có khó khăn nhưng có sự lãnh đạo, chỉ đạo của ban Giám Đốc và quyết tâm cao của tập thể CBCNV. Các chỉ tiêu từ Đại hội cổ đông 2024 đề ra đều đạt kết quả tốt.

1. Thực hiện các chỉ tiêu xem

- Biểu số 01|KHKD.2024 và báo cáo tài chính số 01|KT.2024.
- Các chỉ tiêu và báo cáo quyết toán tài chính đều được kiểm toán theo đúng chế độ quy định.

2. Kết quả nổi bật trong năm 2024

Chỉ tiêu	Giá trị thực tế	so KH	+/-	Tỷ lệ
- Kim ngạch xuất khẩu	47,3 triệu usd	-	tăng	25%
- Doanh thu	1182 tỷ đồng	-	tăng	29 %
- Lợi nhuận sau thuế đạt	105,9 tỷ đồng	-	tăng	331 %
- Thu nhập bình quân	10 triệu đồng	-	tăng	2 %
- Chia cổ tức bằng tiền mặt	35,66 tỷ đồng	-	-	%
- Tình hình tài chính công ty phát triển lành mạnh, nộp ngân sách đầy đủ, đúng hạn, không nợ lương, BHXH, thuế thu nhập cá nhân và các khoản công nợ khác.				
- Công tác đầu tư liên tục đổi mới, thiết bị hiện đại, đáp ứng tiêu chí xanh sạch đẹp của khách hàng đến giá.				
- Công ty được tổ chức, đánh giá và trao tặng thương hiệu mạnh top 10 ASEAN năm 2024 do ban tổ chức phát triển doanh nghiệp Châu Á.				
- Khách hàng đánh giá:				
• Phát triển mẫu	: Tốt			
• Giao hàng đúng hạn	: Tốt			
• Chất lượng hệ thống	: Tốt			
• Trách nhiệm xã hội	: Khá			
- Đảm bảo trật tự, an ninh, chính trị và an toàn phòng chống chữa cháy không có chuyện gì xảy ra.				

3. Phương án phân phối lợi nhuận của HĐQT và BKS năm 2024

- Căn cứ vào báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 đã được kiểm toán Nhân Tâm Việt xác nhận và phương án phân phối lợi nhuận như sau:
- Tờ trình 01|PPLN.2024 phương án phân phối lợi nhuận.



- Tờ trình 02|LNVKH.2024 trích thưởng cho HĐQT.
- Tờ trình 03|CP.HĐQT&BKS.2024 trích chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS.

### **Phần 3: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025**

#### **I. Đánh giá chung**

- Năm 2025 thị trường ngành dệt may toàn cầu có khả năng tốt hơn, song phần lớn đơn hàng cung cấp từ Mỹ, Canada, Nhật và Trung Quốc có đơn giá thấp và số lượng ít.
- Năm 2025 ngành dệt may có dấu hiệu hồi phục nhưng phát triển không đều. 06 tháng đầu năm ổn định, còn 06 tháng cuối năm không được ổn định, đơn hàng ngắn, số lượng ít, giá thấp so với cùng kỳ từ 5-10%.
- Nguồn hàng từ khách hàng truyền thống cung cấp được 60% còn lại là tìm kiếm từ khách hàng mới.
- Tình hình lao động sau Tết biến động quá lớn từ 10% trở lên, song tuyển dụng không có lao động để bổ sung, phát triển mở rộng gặp nhiều khó khăn.
- Nguồn cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu từ Trung Quốc, giá cả cạnh tranh nhưng chất lượng không tốt, giao hàng không đúng hạn, chi phí phát sinh cao làm cho giá FOB khó cạnh tranh.

#### **II. Kế hoạch SXKD năm 2025**

##### **1. Mục tiêu cơ bản và biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2025.**

- Mục tiêu cơ bản của công ty năm 2025 là ổn định được năng lực sản xuất và phải có hiệu quả.
- Duy trì cơ cấu tổ chức quản lý của công ty
  - Văn phòng công ty : 6 phòng, 130 lao động.
  - Xí nghiệp 6 : 32 chuyên, 1400 lao động.
  - Xí nghiệp 7 : 12 chuyên, 560 lao động.
  - Xí nghiệp 45 : 500 lao động.
  - Tổng cộng : 2.590 lao động.
- Kế hoạch đầu tư xây dựng: tổng giá trị đầu tư được duyệt là 170 tỷ đồng (chưa bao gồm thiết bị sản xuất). Trong đó đã hoàn thành đưa vào sử dụng phân xưởng 1,2 và 3,4 là 82 tỷ đồng còn lại xưởng 56 là 88 tỷ đồng (chưa bao gồm thiết bị sản xuất) thời gian hoàn thành 31/12/2025. Số vốn đầu tư trên là vốn tự có của công ty.



- Lao động tuyển dụng cho phân xưởng 56 khoảng 500 lao động.
  - Từ tháng 03/2026 đưa vào kế hoạch sản xuất năm 2026 với 06 chuyên sản xuất.
  - Quỹ lương để đào tạo trong 3 tháng được trích từ quỹ đầu tư và giá trị sản phẩm sản xuất ra theo quy chế tiền lương.
2. Duy trì phương thức sản xuất:
- 65% sản xuất FOB để xuất khẩu vào thị trường Mỹ và EU.
  - 25% sản xuất CM phương thức gia công để xuất khẩu vào thị trường Nhật.
  - 10 % sản xuất tiêu thụ nội địa và sản xuất CM cho khác hàng phát triển.
3. Biện pháp thực hiện
- Duy trì hợp tác khách hàng truyền thống và tìm kiếm mở rộng khách hàng mới để đảm bảo đủ số hàng cho các xí nghiệp và cho năng lực mới ở TP Sa Đéc.
  - Thường xuyên cập nhật tình hình SXKD, dự báo thị trường 03 tháng 1 lần để điều chỉnh KH SXKD cho phù hợp.
  - Đẩy mạnh biện pháp tăng năng suất lao động để có doanh thu tăng mức lương thấp như hiện nay.
  - Tổ chức lại cơ cấu quản lý công ty. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt trên phương án theo TGD đề xuất.
  - Theo mô hình trung tâm kinh doanh công ty thay cho văn phòng công ty, các phòng hiện tại thành từng nhóm điều hành.
  - Bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và xử lý các tình huống rủi ro phải hết sức năng động và kịp thời.
  - Tăng cường biện pháp bảo vệ an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy toàn công ty.
  - Chuẩn bị đầy đủ hàng hóa cho công nhân đủ việc làm trước & sau tết.

## **Phần 5: Hoạt động của HĐQT và BKS .**

### **1. Hoạt động của HĐQT**

- Trong năm 2024 HĐQT đã làm tốt chức năng theo điều lệ và nghị quyết của Đại hội cổ động đề ra.
- Nội dung họp HĐQT đề ra các nghị quyết trong từng thời điểm phù hợp với nghị quyết của ĐHCĐ và thường niên đề ra.



- Ngoài ra, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường, tổ chức khảo sát thị trường, hoạt động SXKD để chỉ đạo ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ.
- Lập kế hoạch tổ chức đoàn đi khảo sát, đàm phán, ký kết hợp đồng khi cần thiết.

## 2. Hoạt động của BKS

- BKS hoạt động theo đúng chức năng, thời gian họp 1 quý 1 lần.
- HĐQT và BKS tự đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2024 song vẫn có những thiếu sót, mong các cổ đông tham gia góp ý để HĐQT và BKS khắc phục.
- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS (xem tờ trình số 03 /CP.HĐQT&BKS-2024)
- Thưởng cho HĐQT và BKS, thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch (xem tờ trình số 02/LNVKH-2024).
- Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025.
- Tổ chức chuẩn bị cho Đại hội cổ đông thường niên năm 2025
- Định kỳ một quý họp một lần và bất thường để giải quyết công việc theo nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.
- Tổ chức khảo sát nghiên cứu thị trường nước ngoài, trong nước định kỳ.
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nghị quyết HĐQT và ĐHCĐ quyết nghị.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả SXKD năm 2024, kế hoạch năm 2025 và đánh giá hoạt động của HĐQT và BKS, ban điều hành công ty.

Kính mong được sự xem xét, thảo luận và biểu quyết của Đại hội

Thay mặt HĐQT và Ban điều hành công ty, xin cảm ơn tất cả quý cổ đông đã đóng góp xây dựng để công ty ngày càng phát triển và bền vững.



BÁO CÁO THỰC HIỆN SXKD NĂM 2024 & KẾ HOẠCH NĂM 2025

TT	CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ so sánh		
			Kế hoạch	Thực hiện		so sánh năm 2024 4=2/1	So với cùng kỳ 5	KH 2025 vs KH 2024 6=3/1
a	b	c	1	2	3	4=2/1	5	6=3/1
I.	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	(Usd)	<b>37,800,000</b>	<b>47,345,714</b>	<b>38,000,000</b>	<b>125.3%</b>	<b>128.7%</b>	<b>100.5%</b>
1	Xuất FOB		30,975,000	39,806,854	28,000,000	128.5%	141.7%	90.4%
2	Xuất gia công		6,825,000	7,538,859	10,000,000	110.5%	86.6%	146.5%
II.	<b>Doanh thu</b>	(Tr đ)	<b>917,910</b>	<b>1,182,126</b>	<b>952,000</b>	<b>128.8%</b>	<b>135.9%</b>	<b>103.7%</b>
1	Xuất FOB		749,595	993,736	700,000	132.6%	150.0%	93.4%
2	Xuất gia công		165,165	187,550	250,000	113.6%	91.5%	151.4%
3	Doanh thu khác		2,500	839	2,000	33.6%	42.8%	80.0%
III.	<b>Sản lượng nhập kho</b>	(Usd)	<b>16,261,558</b>	<b>16,408,169</b>	<b>15,703,858</b>	<b>100.9%</b>	<b>105.4%</b>	<b>96.6%</b>
1	Xí nghiệp 6		7,410,646	7,494,089	7,288,470	101.1%	124.1%	98.4%
2	Xí nghiệp 7		3,150,912	3,167,502	2,915,388	100.5%	130.1%	92.5%
3	Xí nghiệp 45		5,700,000	5,746,578	5,500,000	100.8%	83.2%	96.5%
IV.	<b>Lợi nhuận</b>	(Tr đ)						
1	Trước thuế		40,000	133,742	40,000	334.4%	146.0%	100.0%
2	Sau thuế		32,000	105,904	32,000	330.9%	144.1%	100.0%
V.	<b>Cổ tức</b>							
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	15	10	150.0%	100.0%	100.0%
2	Cổ tức bằng tiền mặt	(Tr đ)	23,778	35,667	23,778	150.0%	100.0%	100.0%
V.	<b>Lao động</b>	Người	<b>2,635</b>	<b>2,521</b>	<b>2,590</b>	<b>95.7%</b>	<b>100.7%</b>	<b>98.3%</b>
1	Văn phòng công ty		130	134	130	103.1%	103.1%	100.0%
2	Xí nghiệp 6		1,400	1,330	1,400	95.0%	102.9%	100.0%
3	Xí nghiệp 7		550	558	560	101.5%	110.1%	101.8%
4	Xí nghiệp 45		550	500	500	90.9%	101.2%	90.9%
VI.	<b>Thu nhập bình quân</b>	Nghìn /người	<b>9,890</b>	<b>10,073</b>	<b>10,384</b>	<b>101.9%</b>	<b>101.8%</b>	<b>105.0%</b>
1	Văn phòng công ty		16,747	15,009	17,249	89.6%	104.0%	103.0%
2	Xí nghiệp 6		8,217	9,286	8,628	113.0%	103.4%	105.0%
3	Xí nghiệp 7		8,480	10,767	8,904	127.0%	133.1%	105.0%
4	Xí nghiệp 45		11,835	14,517	12,427	122.7%	163.9%	105.0%
VII.	<b>Đầu tư xây dựng (1-3)</b>	(Tr đ)	<b>70,000</b>	<b>20,186</b>	<b>95,000</b>	<b>28.8%</b>	<b>96.3%</b>	<b>135.7%</b>
1	Thiết bị đầu tư xí nghiệp		15,000	18,525	20,000	124%	125%	133%
2	Văn phòng công ty		5,000	213	5,000	4%	-	100%
3	Nhà xưởng XN6		50,000	1,448	70,000	3%	24%	140%

Ngày 18 tháng 03 năm 2025  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
HỮU NGHỊ  
QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ SXKD NĂM 2024  
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu		Kế hoạch cả năm	Thực hiện năm 2024	Tỉ lệ % TH/KH cả năm	Kế hoạch năm 2025
A	B	C	1	2	3=2/1	4
A	Tổng số lao động bình quân	người	2.635	2.521	95,67	2.590
B	Kết quả sản xuất kinh doanh					
1	Kim ngạch xuất khẩu giá thanh toán	usd	37.800.000	47.345.714	125,25	38.000.000
2	Tổng doanh thu	tr.đ	917.910	1.182.126	128,78	952.000
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	40.000	133.742	334,36	40.000
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách	tr.đ	8.000	27.838	347,98	8.000
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	32.000	105.904	330,95	32.000
6	Tổng lợi nhuận còn lại để trích các quỹ và chia cổ tức	tr.đ				
	_ Chi cổ tức	tr.đ	23.778	35.667	150,00	23.778
	Trong đó					
	_ Trích quỹ đầu tư phát triển	tr.đ	3.200	10.590	330,95	3.200
	_ Quỹ khen thưởng , Phúc lợi	tr.đ	3.200	10.590	330,95	3.200
7	Thu nhập bình quân (1000đ/người/tháng)		9.890	10.073	101,85	10.384
8	Tổng giá trị đầu tư TSCĐ	tr.đ	70.000	20.186	28,84	95.000
C	Chỉ tiêu tài chính					
I	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn ( Số cuối kỳ)					
1	Tổng tài sản	tr.đ	590.000	758.725	128,60	700.000
	_ Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	tr.đ	460.000	620.029	134,79	500.000
	_ Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	tr.đ	130.000	138.696	106,69	200.000
2	Tổng nguồn vốn	tr.đ	590.000	758.725	128,60	700.000
	_ Nợ phải trả	tr.đ	220.000	276.668	125,76	250.000
	Trong đó : vay dài hạn	tr.đ				
	_ Nguồn vốn chủ sở hữu	tr.đ	370.000	482.057	130,29	450.000
	Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn ĐL)	tr.đ	237.779	237.779	100,00	237.779
II	Các chỉ tiêu tài chính					
1	Bố trí cơ cấu tài sản					
	- Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	22,03	18,28	82,96	28,57
	- Tài sản ngắn / tổng tài sản	%	77,97	81,72	104,81	71,43
2	Bố trí cơ cấu vốn					
	- Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	%	37,29	36,46	97,79	35,71
3	Khả năng thanh toán					
	- Tổng tài sản lưu động / tổng nợ ngắn hạn	lần	2,09	2,24	107,18	2,00
4	Tỉ suất sinh lời					
	- Lợi nhuận trước thuế / vốn điều lệ	%	16,82	56,25	334,36	16,82
	- Lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%	13,46	44,54	330,95	13,46

TP,Hồ Chí Minh Ngày 20 Tháng 03 Năm 2025



*Năm Duyệt*

TP,Hồ Chí Minh Ngày 20 Tháng 03 Năm 2025

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi : **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ**

- \*Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cp may Hữu nghị
- \*Căn cứ vào nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024
- \*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty CP may Hữu Nghị đã được kiểm toán đánh giá xác nhận.

Hội đồng quản trị dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 trình Đại hội cổ đông phê duyệt như sau:

**I/PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024**

1. Tổng lợi nhuận trước thuế :	133.742.192.575 đ
2. Thuế TNDN phải nộp:	27.838.322.006 đ
3. Lợi nhuận sau thuế:	105.903.870.569 đ
Trong đó:Lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2024:	73.903.870.569 đ
4. Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:	
a. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10% LN sau thuế:	10.590.387.057 đ
b. Trích quỹ đầu tư phát triển 10% LN sau thuế:	10.590.387.057 đ
c. Trích thưởng cho HĐQT 3% lợi nhuận sau thuế vượt KH:	2.217.116.117 đ
5.Lợi nhuận còn lại	82.505.980.338 đ

**II/CHIA CỔ TỨC**

- a.Vốn điều lệ mới 237.789.000.000đ
- b.Chia cổ tức bằng tiền mặt 15% trên vốn điều lệ là 1.500đ/cổ phiếu
- c.Tổng số tiền chia cổ tức sau khi trừ cổ phiếu quỹ 1.100 cổ phiếu  
(1.500đ/cổ phiếu x 23.777.800 cổ phiếu ) = 35.666.700.000 đ

**III/SỐ DƯ CHUYỂN NĂM SAU**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển sang quỹ đầu tư phát triển  
82.505.980.338 đ – 35.666.700.000đ = 46.839.280.338đ

Trên đây là nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty kính trình đại hội



TP,Hồ Chí Minh Ngày 20 Tháng 03 Năm 2025

## TỜ TRÌNH

*Đề nghị thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2024 cho Hội Đồng Quản Trị*

**Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ**

*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty CP may Hữu Nghị đã được kiểm toán đánh giá xác nhận.*

Hội đồng quản trị dự kiến thưởng 3% lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2024 cho Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông phê duyệt như sau:

1. Tổng lợi nhuận trước thuế :	133.742.192.575đ
2.Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	27.838.322.006đ
3.Tổng lợi nhuận sau thuế :	105.903.870.569đ
<i>Trong đó:</i>	
a.Lợi nhuận trong kế hoạch sau thuế:	32.000.000.000đ
b.Lợi nhuận vượt kế hoạch :	73.903.870.569đ
4.Mức trích thưởng 3% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho HĐQT:	2.217.116.117đ
(73.903.870.569 đồng x 3%)	

Trên đây là nội dung phương án thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị kính trình đại hội.

T/M Hội đồng quản trị  
**Chủ tịch HĐQT**  
  
Hà Văn Duyệt

TP, Hồ Chí Minh Ngày 20 Tháng 03 Năm 2025

## TỜ TRÌNH

*Chi phí thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát*

Kính gửi : **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ**

\*Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

\*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty CP may Hữu Nghị đã được kiểm toán đánh giá xác nhận.

**I-Hội đồng quản trị báo cáo chi phí hoạt động, chi phí thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024 như sau:**

- |   |                        |
|---|------------------------|
| 1. Tổng doanh thu năm 2024 :  | 1.182.125.636.807 đồng |
| 2. Tổng lợi nhuận trước thuế :  | 133.742.192.575 đồng   |
| 3. Tổng chi phí   | 1.048.383.444.232 đồng |
| 4. Chi phí hoạt động, thù lao cho HĐQT và BKS là 0,2% trên tổng chi phí<br>$0,2\% \times 1.048.383.444.232 \text{ đồng} = 2.096.766.888 \text{ đồng}$ |                        |
| 5. Thực tế đã chi 31/12/2024:   | 2.097.777.770 đồng     |
| 6. Chi phí còn lại:   | -1.010.882 đồng        |

**II- Hội đồng quản trị dự kiến mức chi phí hoạt động, chi phí thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025 là 0,2% trên chi phí hợp lý hợp lệ**

Trên đây là nội dung phương án chi phí thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kính trình đại hội.

T/M Hội đồng quản trị  
**Chủ tịch HĐQT**  
  
Hà Văn Duyệt



## TỜ TRÌNH

### ***Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025***

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025.

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần may Hữu Nghị;

#### **1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:**

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài Chính, UBCK Nhà Nước chấp thuận thực hiện cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025 và có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị lợi ích công chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt, nhiều kinh nghiệm lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Đáp ứng được nhu cầu về phạm vi kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của công ty.
- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty.
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của công ty.

#### **2. Đề xuất cụ thể về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập**

Căn cứ các tiêu chí trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính năm 2025 của công ty gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
- Công ty TNHH Kiểm toán NVA.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong hai công ty kiểm toán trong danh sách để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính năm 2025 của công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Dương Thanh Tùng

**BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2024**  
**CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ**

Kính thưa đoàn chủ tịch đại hội đồng cổ đông.

Kính thưa các quý vị đại biểu.

Kính thưa quý cổ đông.

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP May Hữu Nghị;  
Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP May Hữu Nghị;  
Căn cứ vào luật kế toán, các quy định về chế độ tài chính kế toán hiện hành và các chuẩn mực kế toán Việt Nam;  
Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 (Đã kiểm toán) lập ngày 08 tháng 03 năm 2025.  
Ban kiểm soát đã thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát trên các lĩnh vực về hoạt động tài chính; sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty. Ban kiểm soát xin báo cáo như sau:

**I. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024:**

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh	
				TH'2024/TH' 2023	TH'2024/KH2023
	1	2	3	4=3/1	5=3/2
<b>1. Tổng doanh thu (triệu đồng)</b>	<b>893,174</b>	<b>917,910</b>	<b>1,211,427</b>	<b>136%</b>	<b>132%</b>
Doanh thu thuần	869,535		1,182,126	136%	
Trong đó Doanh thu XN 5 :	158,871			0%	
Doanh thu hoạt động tài chính	21,747		26,176	120%	
Thu nhập khác	1,892		3,125	165%	
<b>2. Chi phí (triệu đồng)</b>	<b>801,597</b>	<b>877,910</b>	<b>1,077,685</b>	<b>134%</b>	<b>123%</b>
Giá vốn hàng bán	726,801		983,758	135%	
Chi phí hoạt động tài chính	7,473		11,772	158%	
Trong đó: chi phí lãi vay	176		158		
Chi phí bán hàng	14,423		22,779	158%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	52,545		58,960	112%	
Chi phí khác	356		416	117%	
<b>3. Lợi nhuận (triệu đồng)</b>	<b>91,577</b>	<b>40,000</b>	<b>133,742</b>	<b>146%</b>	<b>334%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>91,577</b>	<b>40,000</b>	<b>133,742</b>	<b>146%</b>	
+ Lợi nhuận thuần từ HĐKD	90,040		131,033	146%	
+ Lợi nhuận khác	1,537		2,710	176%	
Lợi nhuận sau thuế	73,474		105,904	144%	
<b>4. Lao động và thu nhập</b>					
Lao động bình quân (người)	2,503	2,735	2,521	101%	92%
Thu nhập B/Q (triệu đồng/người/tháng)	9,894	10,377	10,953	111%	106%
<b>5. Phân tích tỷ lệ lợi nhuận – chi phí</b>					
- Giá vốn/Doanh thu thuần	84%		83%		
- Chi phí hoạt động TC/DT thuần	0.86%		1.00%		
- Chi phí bán hàng/DT thuần	1.7%		1.9%		
- Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	6.0%		5.0%		

- Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	16.4%		16.8%		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	8.4%		9.0%		
Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh	
				TH"2024/TH" 2023	TH'2024/KH2023
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	11.4%		15.0%		
-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	18.0%		23.5%		
- Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (EBIT/Tổng TS)	14.2%		19.0%		
- Tỷ lệ thu nhập/Vốn sử dụng (EBIT/(Tổng TS-Nợ ngắn hạn))	5.6%		7.4%		
- EBIT margin (EBIT(LNTT+LV)/Doanh thu)	10.6%		11.3%		

### Nhận xét về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024:

Trong các tháng đầu năm 2024 tình hình SXKD đối với ngành dệt may đã có nhiều khởi sắc, đơn hàng sản xuất so với cùng kỳ năm 2023 đã ổn định hơn, thời gian đặt hàng dài hơn, nhưng đơn giá vẫn thấp hơn so với kỳ vọng, chi phí Logistic có xu thế tăng so với cùng kỳ. Cơ quan điều hành đã có nhiều giải pháp linh hoạt trong điều hành sản xuất, tìm kiếm đơn hàng nên các đơn hàng sản xuất trong năm 2024 ổn định, hiệu quả SXKD đạt cao hơn so với dự kiến đầu năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 146% so với cùng kỳ (105,904 triệu đồng/73,474 triệu đồng), vượt 234% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ giao (105,904 triệu đồng/40,000 triệu đồng), doanh thu, chi phí đều tăng tương ứng.

### II. Tình hình tài chính năm 2024:

ĐVT: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024	So sánh Chênh lệch	So sánh %/Tổng TS		
					%	01/01/2024	31/12/2024
A	B	1	2	3=2-1	4=2:1	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>649,681</b>	<b>758,726</b>	<b>109,044</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>520,762</b>	<b>620,029</b>	<b>99,267</b>		<b>80%</b>	<b>82%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	257,963	323,365	65,402	125%		
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn :	105,273	197,593	92,320	188%	<b>16%</b>	<b>26%</b>
	- Phải thu ngắn hạn khách hàng	95,814	179,628	83,815	187%	<b>15%</b>	<b>24%</b>
	- Các khoản phải thu khác	9,459	17,965	8,506	190%	<b>1%</b>	<b>2%</b>
4	Hàng tồn kho :	73,196	64,718	(8,479)	88%	<b>11%</b>	<b>9%</b>
5	Tài sản ngắn hạn khác :	84,330	34,353	(49,976)	41%		
	<i>Trong đó : Thuế GTGT được khấu</i>	<i>84,330</i>	<i>34,264</i>	<i>(50,066)</i>	<i>41%</i>	<i>13%</i>	<i>5%</i>
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>128,919</b>	<b>138,697</b>	<b>9,777</b>		<b>20%</b>	<b>18%</b>
1	Tài sản cố định	101,729	94,334	(7,394)	93%		
2	Tài sản dở dang dài hạn	21,042	40,918	19,875	194%		
3	Tài sản dài hạn khác:	6,148	3,445	(2,704)	56%		
<b>B</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>649,681</b>	<b>758,726</b>	<b>109,044</b>			
1	Nợ ngắn hạn :	229,684	276,668	46,984	120%	<b>35%</b>	<b>36%</b>
2	Nợ dài hạn :						
3	Vốn chủ sở hữu	419,997	482,057	62,060	115%	<b>65%</b>	<b>64%</b>
	<i>Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở</i>	<i>237,789</i>	<i>237,789</i>	<i>-</i>			
	+ Cổ phiếu quỹ	(11)	(11)	-			
	+ Quỹ đầu tư Phát triển:	78,809	108,439	29,630			
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm t	29,936	29,936	-			
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm n	73,474	105,904	32,430	144%		

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH							
	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/NNH)	2.27	2.24				
	Khả năng thanh toán nhanh(TSNH-TK)/NNH	1.95	2.01				
	Khả năng thanh toán tiền mặt(Tiền + Đầu tư TC NH)/NHH	1.12	1.17				
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.55	0.57				
	Tổng tài sản/Vốn CSH	1.55	1.57				
STT	Các chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024	So sánh Chênh lệch	So sánh %/Tổng TS		
A	B	1	2	3=2-1	% 4=2:1	01/01/2024 5	31/12/2024 6
	Ngày tồn kho bình quân	32	26				
	Ngày thu tiền bình quân	46	47				
	Ngày trả tiền bình quân	116	93				
	Vòng quay Vốn lưu động	1.71	2.07				

### **Nhận xét tình hình tài chính :**

#### **1. Tình hình quản lý công nợ, cân đối khả năng trả nợ:**

- Tình hình tài chính của Công ty đảm bảo an toàn, với chỉ số thanh toán nhanh là 2.01 lần và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 2.24 lần, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 0.57 lần <1. Công ty không có khoản công nợ phải thu khó đòi Công nợ của Công ty được đánh giá và phân tích tuổi nợ đều là nợ luân chuyển, Công ty quản lý và thu hồi công nợ tốt
- Dòng tiền từ hoạt động SXKD ổn định, mặc dù công nợ phải thu tăng so với đầu năm, hàng tồn kho giảm. Trong năm Công ty cũng đã hoàn tất thủ tục hoàn thuế GTGT 81 tỷ đồng, bổ sung thêm nguồn vốn lưu động cho hoạt động SXKD, Công ty không có số dư nợ vay.

#### **2. Hàng hóa tồn kho:**

- Số dư hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2024 là 64,717 triệu đồng, giảm 12 % so với đầu năm (64,717 triệu đồng/73,196 triệu đồng), hàng tồn kho chủ yếu là hàng luân chuyển trong sản xuất và hàng thành

Trong đó:

- Nguyên liệu, vật liệu: 7,343 triệu đồng
- Công cụ, dụng cụ: 31 triệu đồng
- Chi phí sản xuất dở dang: 15,428 triệu đồng
- Thành phẩm: 41,915 triệu đồng

#### **3. Đầu tư xây dựng cơ bản:**

- Chi xây dựng cơ bản dở dang chưa hoàn thành trong kỳ là : 21,042 triệu đồng (do mua căn nhà tại số 1 đường số 14 Khu 6A, Xã Bình Hưng, Huyện Bình chánh TP. HCM)

#### **4. Đầu tư mua sắm TSCĐ và CCDC:**

- Trong kỳ Công ty đầu tư mua sắm MMTB, CCDC là: 16,567 triệu đồng
- Hoàn thành quyết toán đầu tư XD CB đưa vào sử dụng, nhà ăn cho công nhân và cải tạo nhà máy : 1,448 triệu đồng
- Phương tiện vận tải: 2,412 triệu đồng

#### **5. Chi tiết vốn chủ sở hữu:**

- Vốn góp của Tập đoàn dệt may Việt Nam: 69,534 triệu đồng chiếm 29.2%/vốn chủ sở hữu
- Vốn góp của các cổ đông khác: 168,255 triệu đồng chiếm 70.8%/ vốn chủ sở hữu

#### **6. Đánh giá báo cáo tài chính Công ty:**

- Số liệu trên báo cáo tài chính năm 2024 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2024. Sổ sách chứng từ kế toán được hạch toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, lưu trữ, khoa học và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

- Việc trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ chi phí, đảm bảo theo quy định của chế độ kế toán, luật quản lý thuế và các quy định của pháp luật

### **III. Về tính trung thực và hợp lý của số liệu:**

- Ban kiểm soát xác nhận số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty CP may Hữu Nghị theo báo cáo của Tổng giám đốc là phản ánh trung thực và hợp lý trên các nội dung chủ yếu về tình hình tài chính, kết quả SXKD và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.
- Sổ sách chứng từ kế toán được ghi chép, hạch toán, luân chuyển và lưu trữ đầy đủ đúng theo quy định hiện hành của nhà nước và của Công ty.
- Tình hình tài chính đều nằm trong sự kiểm soát của Công ty. Các khoản công nợ đều là nợ luân chuyển.
- Việc trích khấu hao tài sản cố định được duy trì đều đặn. Tình hình tài chính của Công ty hoạt động tốt.

### **V. Những kiến nghị của Ban kiểm soát:**

- Công ty cần tìm kiếm khách hàng mới để chủ động nhiều nguồn hàng, đa dạng sản phẩm để đạt được kế hoạch đề ra trong năm 2025.
- Với tình hình lao động thường xuyên biến động như hiện nay, Ban lãnh đạo cần có các chính sách hỗ trợ để giữ chân người lao động có thâm niên, tay nghề, gắn bó lâu dài với Công ty. Để dự phòng khả năng thiếu hụt lao động trong tương lai.

Trên đây là toàn bộ báo cáo đánh giá thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Ban Kiểm Soát. Kính trình đại hội đồng cổ đông công ty.

Ban kiểm soát chân thành cảm ơn HĐQT, ban giám đốc, các phòng ban chức năng, các nhà đầu tư đã tạo điều kiện giúp đỡ để ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp./.

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**Dương Thanh Tùng**

Số : 1807.01.2/2024/BCTC-NTV2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Về Báo cáo tài chính năm 2024**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần May Hữu Nghị**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2025 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Hữu Nghị chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 05 tháng 03 năm 2024.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Hạnh**  
GCNĐKHNT số: 1690-2023-124-1

  
\_\_\_\_\_  
**Lê Mỹ Trang**  
GCNĐKHNT số: 3764-2021-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>620.029.094.940</b>	<b>520.762.094.698</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>323.365.091.248</b>	<b>257.963.398.852</b>
1.	Tiền	111		131.465.091.248	151.418.484.649
2.	Các khoản tương đương tiền	112		191.900.000.000	106.544.914.203
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>197.592.954.462</b>	<b>105.272.592.155</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	179.303.686.240	87.808.794.198
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	324.708.326	8.004.970.706
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	17.964.559.896	9.458.827.251
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>64.717.891.381</b>	<b>73.196.478.616</b>
1.	Hàng tồn kho	141		64.717.891.381	73.196.478.616
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.353.157.849</b>	<b>84.329.625.075</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.263.634.006	84.329.625.075
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	89.523.843	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>138.696.632.655</b>	<b>128.919.401.512</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>94.334.203.211</b>	<b>101.728.583.313</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.07	85.545.807.068	92.870.020.503
- Nguyên giá		222		360.765.201.041	355.738.684.761
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		223		(275.219.393.973)	(262.868.664.258)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
- Nguyên giá		225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.08	8.788.396.143	8.858.562.810
- Nguyên giá		228		11.368.644.950	11.368.644.950
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		229		(2.580.248.807)	(2.510.082.140)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>230</b>		-	-
1. Nguyên giá		231		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)		232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>240</b>		<b>40.917.859.217</b>	<b>21.042.418.477</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.09	40.917.859.217	21.042.418.477
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260</b>		<b>3.444.570.227</b>	<b>6.148.399.722</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.06	3.444.570.227	6.148.399.722
2. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>758.725.727.595</b>	<b>649.681.496.210</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>276.668.317.005</b>	<b>229.684.393.098</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>276.668.317.005</b>	<b>229.684.393.098</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.10	38.758.463.516	26.224.588.894
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.12	38.144.509.114	46.509.637.747
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.11	21.509.863.759	14.159.660.641
4. Phải trả người lao động		314		133.918.441.265	97.740.716.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.13	1.115.817.599	1.468.863.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		43.221.221.752	43.580.925.843
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>482.057.410.590</b>	<b>419.997.103.112</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>482.057.410.590</b>	<b>419.997.103.112</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		237.789.000.000	237.789.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		237.789.000.000	237.789.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ		415		(11.000.000)	(11.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		108.439.361.400	78.809.065.405
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		135.840.049.190	103.410.037.707
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		421a		29.936.178.621	29.936.178.621
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		421b		105.903.870.569	73.473.859.086
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>758.725.727.595</b>	<b>649.681.496.210</b>

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Thị Ngát

Vũ Thị Ngát

Hà Văn Duyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.182.125.636.807	869.534.864.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.182.125.636.807	869.534.864.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	983.757.880.202	726.801.257.741
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		198.367.756.605	142.733.606.518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	26.176.202.508	21.746.563.078
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	11.772.024.033	7.472.666.373
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		157.910.181	175.866.262
8. Chi phí bán hàng	25	VI.06	22.778.871.746	14.422.650.792
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	58.960.473.255	52.544.669.732
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		131.032.590.079	90.040.182.699
11. Thu nhập khác	31	VI.07	3.125.240.876	1.892.456.195
12. Chi phí khác	32	VI.08	415.638.380	355.775.483
13. Lợi nhuận khác	40		2.709.602.496	1.536.680.712
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		133.742.192.575	91.576.863.411
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	27.838.322.006	18.103.004.325
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		105.903.870.569	73.473.859.086
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4.009	2.746

Người lập biểu



Vũ Thị Ngát

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2025



Tổng Giám đốc

Hà Văn Duyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		133.742.192.575	91.576.863.411
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		24.061.957.857	29.768.227.462
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.510.940.092)	(3.302.538.042)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.004.604.889)	(8.426.667.619)
- Chi phí lãi vay	06		157.910.181	175.866.262
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		152.446.515.632	109.791.751.474
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.665.096.932)	(1.811.316.967)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.478.587.235	(19.353.648.554)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		40.576.307.386	(15.772.479.230)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.703.829.495	4.924.872.062
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(157.910.181)	(175.866.262)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(21.078.430.706)	(23.979.892.013)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.536.567.182)	(7.527.877.657)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>132.767.234.747</b>	<b>46.095.542.853</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(36.543.018.495)	(17.479.631.161)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		233.863.636	972.222.222
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(82.793.050.285)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	113.003.050.285
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.770.741.253	7.454.445.397
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(32.538.413.606)</b>	<b>21.157.036.458</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Địa chỉ: Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		26.313.824.311	21.931.916.837
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.313.824.311)	(21.931.916.837)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.666.700.000)	(35.666.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(35.666.700.000)</b>	<b>(35.666.700.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>64.562.121.141</b>	<b>31.585.879.311</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>257.963.398.852</b>	<b>223.635.054.131</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		839.571.255	2.742.465.410
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>323.365.091.248</b>	<b>257.963.398.852</b>

Người lập biểu



Vũ Thị Ngát

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Hà Văn Duyệt